

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM
HĐTS TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2022

KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH
ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 - NĂM 2022

Hải Phòng, ngày 25 tháng 10 năm 2022

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm thi		Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
						NN	ĐGNL		
1	001	Hoàng	Anh	Nam	28.02.1993	67	7.5	QL Kinh tế	
2	002	Ngô Thị Kim	Anh	Nữ	23.09.1994	54	8.5	QL Kinh tế	
3	003	Nguyễn Đức	Anh	Nam	02.11.1996	Miễn TA	9.0	QL Kinh tế	Miễn TA
4	004	Nguyễn Ngọc	Anh	Nữ	05.09.1998	70	9.5	QL Kinh tế	
5	005	Nguyễn Tuấn	Anh	Nam	10.11.1983	40	6.5	QL Kinh tế	Không đủ ĐKXT
6	006	Nguyễn Văn	Anh	Nữ	29.12.1998	80	Không áp dụng	QLMT	Không áp dụng
7	007	Triệu Hồng	Anh	Nữ	22.10.1997	88	Không áp dụng	CNTT	Không áp dụng
8	008	Nguyễn Văn	Bình	Nam	25.05.1983	69	Không áp dụng	QLĐAĐT&XD	Không áp dụng
9	009	Tăng Xuân	Bộ	Nam	21.05.1995	69	Không áp dụng	QLMT	Không áp dụng
10	010	Lê Thị Linh	Chi	Nữ	28.06.1993	83	10.0	QL Kinh tế	
11	011	Nguyễn Trọng	Cường	Nam	01.08.2000	69	10.0	QL Kinh tế	
12	012	Đỗ Xuân	Đại	Nam	25.09.1987	71	8.5	QL Kinh tế	
13	013	Phạm Hải	Đặng	Nam	31.10.1987	58	10.0	QL Kinh tế	
14	014	Trần Tiến	Đạt	Nam	25.01.1999	Miễn TA	10.0	QL kinh tế	Miễn TA
15	015	Lê Yến	Diệp	Nữ	28.07.1999	57	9.5	QL Kinh tế	
16	016	Nguyễn Ngọc	Diệp	Nữ	10.11.1996	68	7.5	QL Kinh tế	
17	017	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	10.02.1997	74	10.0	QL Kinh tế	
18	018	Bùi Văn	Đông	Nam	08.04.1990	65	9.0	QL Kinh tế	
19	019	Trần Đình	Du	Nam	01.09.1988	79	Không áp dụng	QL Kỹ thuật	Không áp dụng
20	020	Nguyễn Như	Đuẩn	Nam	24.10.1993	80	Không áp dụng	QLĐAĐT&XD	Không áp dụng
21	021	Dương Văn	Dũng	Nam	19.07.1982	71	8.5	QL Kinh tế	
22	022	Nguyễn Đình	Dũng	Nam	26.05.1992	66	9.0	QL Kinh tế	
23	023	Nguyễn Trung	Dũng	Nam	09.06.1982	85	9.0	QL Kinh tế	
24	024	Bùi Đức	Dương	Nam	16.12.1991	80	8.5	QL Kinh tế	
25	025	Bùi Thuý	Dương	Nữ	15.09.1998	76	8.5	QLTC	
26	026	Nguyễn Tuấn	Dương	Nam	26.08.1998	85	Không áp dụng	QL.VT&I.	Không áp dụng



STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm thi		Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
					NN	DGNL		
27	027	Vũ Thùy Dương	Nữ	08.09.2000	Miễn TA	8.5	QL Kinh tế	Miễn TA
28	028	Nguyễn Đình Duy	Nam	16.02.1967	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
29	029	Nguyễn Ngọc Duy	Nam	24.06.1980	Miễn TA	Vắng	QL Kinh tế	Vắng thi
30	030	Phạm Phương Duy	Nam	21.07.1985	63	Không áp dụng	QLĐĐT&XD	Không áp dụng
31	031	Nguyễn Thị Hương Giang	Nữ	01.02.1998	Miễn TA	9.5	QL Kinh tế	Miễn TA
32	032	Vũ Nữ Trà Giang	Nữ	10.10.1988	Miễn TA	8.5	QL Kinh tế	Miễn TA
33	033	Ngô Ngọc Hải	Nam	27.05.1997	62	Không áp dụng	QLVT&L	Không áp dụng
34	034	Nguyễn Hoàng Hải	Nam	10.08.1997	63	Không áp dụng	QLMT	Không áp dụng
35	035	Nguyễn Xuân Hải	Nam	16.11.1996	56	Không áp dụng	QLHH	Không áp dụng
36	036	Vũ Trung Hải	Nam	27.08.1997	Miễn TA	7.5	QL Kinh tế	Miễn TA
37	037	Lê Xuân Hân	Nam	23.10.1995	61	9.5	QL Kinh tế	
38	038	Lê Diệu Hằng	Nữ	04.09.1985	50	8.0	QLTC	
39	039	Nguyễn Thị Ngọc Hằng	Nữ	20.04.1988	83	8.5	QL Kinh tế	
40	040	Phạm Thị Hằng	Nữ	01.10.1993	14	7.5	QL Kinh tế	Không đủ ĐKXT
41	041	Vũ Thu Hằng	Nữ	17.09.1985	54	7.0	QL Kinh tế	
42	042	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	10.10.1990	Miễn TA	8.5	QL Kinh tế	Miễn TA
43	043	Hoàng Thị Thu Hiền	Nữ	12.05.1976	42	9.0	QL Kinh tế	Không đủ ĐKXT
44	044	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	12.09.1992	65	9.0	QL Kinh tế	
45	045	Phạm Thị Hiền	Nữ	17.05.2000	Miễn TA	9.0	QL Kinh tế	Miễn TA
46	046	Bùi Văn Hiếu	Nam	12.03.1988	52	8.5	QLTC	
47	047	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	29.07.2000	Miễn TA	8.5	QL Kinh tế	Miễn TA
48	048	Nguyễn Xuân Hiếu	Nam	16.08.1989	80	9.0	QL Kinh tế	
49	049	Đỗ Thị Ánh Hoa	Nữ	16.11.1985	65	8.0	QL Kinh tế	
50	050	Nhữ Thị Hoa	Nữ	02.08.1987	51	9.5	QL Kinh tế	
51	051	Vũ Nhân Hòa	Nam	27.12.1995	77	9.5	QL Kinh tế	
52	052	Trần Việt Hoàn	Nam	12.11.1995	65	9.0	QL Kinh tế	
53	053	Nguyễn Đại Hoàng	Nam	21.05.1996	65	9.0	QL Kinh tế	
54	054	Phạm Huy Hoàng	Nam	22.09.1997	Miễn TA	9.5	QL Kinh tế	Miễn TA
55	055	Đặng Mạnh Hùng	Nam	16.07.1982	54	Không áp dụng	KTĐT-VT	Không áp dụng
56	056	Nguyễn Đăng Hùng	Nam	06.04.1996	52	Không áp dụng	QLHH	Không áp dụng
57	057	Vũ Huy Hùng	Nam	11.03.1994	73	10.0	QL Kinh tế	

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm thi		Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
						NN	ĐGNL		
58	058	Vũ Mạnh	Hùng	Nam	28.08.1991	78	10.0	QL Kinh tế	
59	059	Nguyễn Duy	Hưng	Nam	19.10.2000	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
60	060	Trương Việt	Hưng	Nam	21.12.1992	51	Không áp dụng	KTĐT-VT	Không áp dụng
61	061	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	28.06.1992	Miễn TA	9.5	QL Kinh tế	Miễn TA
62	062	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	10.07.1996	66	9.0	QL Kinh tế	
63	063	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	Nữ	05.07.1993	Miễn TA	8.5	QLTC	Miễn TA
64	064	Nguyễn Đình	Huy	Nam	14.05.1982	Miễn TA	8.5	QL Kinh tế	Miễn TA
65	065	Nguyễn Khắc	Huy	Nam	04.06.1979	66	6.0	QL Kinh tế	
66	066	Lê Thị	Huyền	Nữ	22.11.1990	88	8.5	QL Kinh tế	
67	067	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	20.11.1996	Miễn TA	9.0	QL Kinh tế	Miễn TA
68	068	Đào Quang	Khải	Nam	10.10.1994	66	8.5	QL Kinh tế	
69	069	Đặng Duy	Khánh	Nam	19.10.1995	85	9.5	QL Kinh tế	
70	070	Đặng Tuấn	Khương	Nam	21.04.1992	64	9.5	QL Kinh tế	
71	071	Đào Trung	Kiên	Nam	22.08.2000	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
72	072	Nguyễn Thị Kim	Lài	Nữ	11.03.1994	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
73	073	Lê Thị	Linh	Nữ	12.06.1988	Miễn TA	10.0	QL Kinh tế	Miễn TA
74	074	Ngô Thuý	Linh	Nữ	12.01.1998	78	10.0	QL Kinh tế	
75	075	Nguyễn Hà	Linh	Nữ	18.08.1998	75	10.0	QL Kinh tế	
76	076	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	09.05.1997	74	9.5	QL Kinh tế	
77	077	Phạm Khánh	Linh	Nữ	26.02.2000	Miễn TA	7.5	QL Kinh tế	Miễn TA
78	078	Trần Khánh	Linh	Nữ	27.01.1974	Miễn TA	9.0	QL Kinh tế	Miễn TA
79	079	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	01.10.1988	76	7.5	QL Kinh tế	
80	080	Phong Hiệp	Long	Nam	03.03.2000	70	Không áp dụng	KTMT	Không áp dụng
81	081	Đỗ Thị Quỳnh	Mai	Nữ	06.03.1997	Miễn TA	8.5	QL Kinh tế	Miễn TA
82	082	Phạm Thị	Miễn	Nữ	15.07.1984	Miễn TA	10.0	QL Kinh tế	Miễn TA
83	083	Đào Văn	Minh	Nam	28.09.1999	Miễn TA	10.0	QLTC	Miễn TA
84	084	Nguyễn Ngọc	Minh	Nam	10.10.1984	Vắng	Không áp dụng	QLDADT&XD	Vắng thi
85	085	Nguyễn Xuân	Minh	Nam	09.03.1998	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
86	086	Nguyễn Hải	Nam	Nam	05.09.1993	85	Không áp dụng	QLVT&L	Không áp dụng
87	087	Phạm Hùng	Nam	Nam	11.05.1988	75	9.0	QL Kinh tế	
88	088	Đoàn Thị	Nga	Nữ	26.12.1991	77	9.5	QL Kinh tế	

ÔNG
 ƯỜNG
 AI HỌ
 ANG F
 IỆT N
 ★

(Signature)

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm thi		Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
						NN	DGNL		
89	089	Trần Thanh	Ngân	Nam	17.04.1999	Miễn TA	10.0	QL Kinh tế	Miễn TA
90	090	Phạm Trung	Nghĩa	Nam	22.02.1991	Miễn TA	9.5	QL Kinh tế	Miễn TA
91	091	Lê Văn	Ngọc	Nam	20.12.1993	65	Không áp dụng	QLMT	Không áp dụng
92	092	Nguyễn Lê Bích	Ngọc	Nữ	22.08.2000	Miễn TA	6.0	QLTC	Miễn TA
93	093	Trần Thị Bích	Ngọc	Nữ	10.09.1998	83	10.0	QL Kinh tế	
94	094	Lê Đình	Ninh	Nam	10.08.1980	60	Không áp dụng	QL Kỹ thuật	Không áp dụng
95	095	Nguyễn Bá	Phong	Nam	26.12.1991	68	Không áp dụng	QLHH	Không áp dụng
96	096	Nguyễn Nam	Phong	Nam	28.12.1994	74	9.5	QLTC	
97	097	Bùi Thị	Phượng	Nữ	17.10.1991	77	9.0	QL Kinh tế	
98	098	Phạm Văn	Phượng	Nam	21.05.1974	72	9.0	QL Kinh tế	
99	099	Nguyễn Vinh	Quang	Nam	16.10.1983	46	Không áp dụng	QLĐAĐT&XD	Không đủ ĐKXT
100	100	Vũ Đức	Quang	Nam	22.04.1998	Miễn TA	0.5	QL Kinh tế	Không đủ ĐKXT
101	101	Đàm Văn	Quỳnh	Nam	30.07.1974	63	Không áp dụng	QLMT	Không áp dụng
102	102	Lưu Thị Mai	Quỳnh	Nữ	29.06.1998	Miễn TA	8.5	QL Kinh tế	Miễn TA
103	103	Phạm Xuân	Quỳnh	Nam	16.06.1981	28	Không áp dụng	QLĐAĐT&XD	Không đủ ĐKXT
104	104	Lương Kim	Sơn	Nam	02.02.1993	64	Không áp dụng	QLĐAĐT&XD	Không áp dụng
105	105	Nguyễn Hải	Sơn	Nam	06.11.1974	60	Không áp dụng	QLHH	Không áp dụng
106	106	Lê Trang Ái	Tâm	Nữ	16.10.1983	Miễn TA	9.0	QL Kinh tế	Miễn TA
107	107	Trịnh Xuân	Thái	Nam	20.05.1982	58	8.0	QL Kinh tế	
108	108	Nguyễn Quốc	Thắng	Nam	07.10.1996	60	9.0	QL Kinh tế	
109	109	Nguyễn Thị Phương	Thanh	Nữ	30.04.1984	Miễn TA	7.5	QL Kinh tế	Miễn TA
110	110	Lê Tiến	Thành	Nam	06.08.1980	58	Không áp dụng	QLMT	Không áp dụng
111	111	Nguyễn Phương	Thành	Nam	01.08.1981	81	Không áp dụng	CNTT	Không áp dụng
112	112	Đỗ Thu	Thảo	Nữ	01.09.1991	75	9.5	QL Kinh tế	
113	113	Lương Thị	Thảo	Nữ	09.05.1995	56	8.0	QL Kinh tế	
114	114	Phạm Thị Thu	Thảo	Nữ	25.06.1998	Miễn TA	8.5	QL Kinh tế	Miễn TA
115	115	Trương Thị Thu	Thảo	Nữ	15.01.1994	Miễn TA	10.0	QL Kinh tế	Miễn TA
116	116	Phạm Xuân	Thị	Nữ	16.11.1995	66	7.5	QL Kinh tế	
117	117	Đào Quang	Thịnh	Nam	28.12.2000	62	Không áp dụng	QLĐAĐT&XD	Không áp dụng
118	118	Vũ Văn	Thịnh	Nam	17.09.1988	62	10.0	QL Kinh tế	
119	119	Lê Thị Kiều	Thoa	Nữ	19.11.1998	77	Không áp dụng	KTĐK&TĐH	Không áp dụng

STT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm thi		Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
						NN	ĐGNL		
120	120	Phạm Thị	Thoa	Nữ	06.11.1988	72	8.0	QL Kinh tế	
121	121	Lê Thị Hà	Thu	Nữ	17.02.1996	77	9.5	QL Kinh tế	
122	122	Nguyễn Hoài	Thu	Nữ	13.09.1997	71	9.0	QL Kinh tế	
123	123	Bùi Thị	Thương	Nữ	03.04.1998	Miễn TA	9.0	QL Kinh tế	Miễn TA
124	124	Nguyễn Minh	Thúy	Nữ	08.12.2000	Miễn TA	8.5	QLTC	Miễn TA
125	125	Đỗ Thu	Thúy	Nữ	23.09.1995	68	8.0	QL Kinh tế	
126	126	Trần Thị Thu	Thùy	Nữ	17.07.2000	Miễn TA	9.0	QLTC	Miễn TA
127	127	Mai Thị Thu	Thúy	Nữ	19.05.1990	88	7.0	QL Kinh tế	
128	128	Nguyễn Thanh	Thùy	Nữ	01.01.1987	Miễn TA	7.5	QL Kinh tế	Miễn TA
129	129	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	03.11.1998	59	8.5	QL Kinh tế	
130	130	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	28.12.1991	71	8.5	QL Kinh tế	
131	131	Nguyễn Thị	Thuyết	Nữ	03.03.1985	87	8.0	QL Kinh tế	
132	132	Đặng Văn	Tiến	Nam	28.12.1988	65	8.0	QL Kinh tế	
133	133	Nguyễn Duy	Tiến	Nam	15.10.1995	66	8.0	QL Kinh tế	
134	134	Nguyễn Văn	Tiếp	Nam	08.06.1984	70	Không áp dụng	QLMT	Không áp dụng
135	135	Trần Đức	Toại	Nam	22.10.1991	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
136	136	Đinh Thị Huyền	Trang	Nữ	11.06.1988	82	6.0	QL Kinh tế	
137	137	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	23.09.1987	75	8.0	QL Kinh tế	
138	138	Ngô Thị Huyền	Trang	Nữ	25.01.1999	74	9.0	QL Kinh tế	
139	139	Phạm Thị Huyền	Trang	Nữ	14.09.1988	75	6.5	QL Kinh tế	
140	140	Trần Thị Huyền	Trang	Nữ	20.08.1991	Miễn TA	8.5	QL Kinh tế	Miễn TA
141	141	Trần Thị Thu	Trang	Nữ	07.07.1994	81	10.0	QL Kinh tế	
142	142	Hoàng Đình	Trình	Nam	15.02.1992	66	7.5	QL Kinh tế	
143	143	Mai Anh	Trúc	Nam	19.04.2000	Miễn TA	7.0	QL Kinh tế	Miễn TA
144	144	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	17.05.1996	Miễn TA	8.5	QL Kinh tế	Miễn TA
145	145	Nguyễn Ngọc	Trương	Nam	10.05.1984	Miễn TA	9.0	QL Kinh tế	Miễn TA
146	146	Đào Trọng	Tuấn	Nam	18.10.1978	72	8.5	QL Kinh tế	
147	147	Nguyễn Đức	Tuấn	Nam	27.12.1975	73	7.5	QL Kinh tế	
148	148	Nguyễn Thanh	Tùng	Nam	23.08.1992	Miễn TA	8.0	QL Kinh tế	Miễn TA
149	149	Quản Duy	Tùng	Nam	31.07.1988	69	8.5	QL Kinh tế	
150	150	Lê Văn	Ứng	Nam	31.12.1974	69	6.0	QL Kinh tế	



Handwritten signature

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày, tháng, năm sinh	Điểm thi		Chuyên ngành dự thi	Ghi chú
					NN	ĐGNL		
151	151	Đào Trung Vinh	Nam	23.08.1991	77	6.5	QL Kinh tế	
152	152	Lưu Văn Vinh	Nam	14.09.1983	82	9.5	QL Kinh tế	
153	153	Nguyễn Xuân Vinh	Nam	31.10.1995	68	9.0	QLTC	


CHỦ TỊCH NỘI ĐỒNG

HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Phạm Xuân Dương